

Công tắc tơ 4P dạng khối - Loại AF và EK550, EK1000

Đặc điểm

Dùng cho mạch xoay chiều AC, DC với khoảng điện áp dao động lớn từ 100...250V

Độ bền cơ học 10 triệu lần đóng cắt, giảm lượng tiêu thụ năng lượng

Tiêu chuẩn IP20, đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-4-1

Sản phẩm	I (A) θ ≤ 40 °C AC-1	Điện áp ĐK Uc		Tiếp điểm phụ		Loại	Mã sản phẩm	Đơn giá VND
		V 50/60 Hz	V DC	NO	NC			
	25	24...60	-	0	0	AF09-40-00-41	1SBL137201R4100	696,000
		48...130	48...130	0	0	AF09-40-00-12	1SBL137201R1200	696,000
		100...250	100...250	0	0	AF09-40-00-13	1SBL137201R1300	696,000
	30	24...60	-	0	0	AF16-40-00-41	1SBL177201R4100	987,000
		48...130	48...130	0	0	AF16-40-00-12	1SBL177201R1200	987,000
		100...250	100...250	0	0	AF16-40-00-13	1SBL177201R1300	987,000
	45	24...60	-	0	0	AF26-40-00-41	1SBL237201R4100	1,510,000
		48...130	48...130	0	0	AF26-40-00-12	1SBL237201R1200	1,510,000
		100...250	100...250	0	0	AF26-40-00-13	1SBL237201R1300	1,510,000
	55	24...60	-	0	0	AF38-40-00-41	1SBL297201R4100	2,905,000
		48...130	48...130	0	0	AF38-40-00-12	1SBL297201R1200	2,905,000
		100...250	100...250	0	0	AF38-40-00-13	1SBL297201R1300	2,905,000
	70	24...60	20...60	0	0	AF40-40-00-11	1SBL347201R1100	6,109,000
		48...130	48...130	0	0	AF40-40-00-12	1SBL347201R1200	6,109,000
		100...250	100...250	0	0	AF40-40-00-13	1SBL347201R1300	4,286,000
	100	24...60	20...60	0	0	AF52-40-00-11	1SBL367201R1100	5,434,000
		48...130	48...130	0	0	AF52-40-00-12	1SBL367201R1200	5,434,000
		100...250	100...250	0	0	AF52-40-00-13	1SBL367201R1300	4,685,000
	125	24...60	20...60	0	0	AF80-40-00-11	1SBL397201R1100	7,821,000
		48...130	48...130	0	0	AF80-40-00-12	1SBL397201R1200	7,821,000
		100...250	100...250	0	0	AF80-40-00-13	1SBL397201R1300	5,669,000
	160	24...60	20...60	0	0	AF116-40-00-11	1SFL427101R1100	14,689,000
		48...130	48...130	0	0	AF116-40-00-12	1SFL427101R1200	14,689,000
		100...250	100...250	0	0	AF116-40-00-13	1SFL427101R1300	14,689,000
	200	24...60	20...60	0	0	AF140-40-00-11	1SFL447101R1100	17,892,000
		48...130	48...130	0	0	AF140-40-00-12	1SFL447101R1200	17,892,000
		100...250	100...250	0	0	AF140-40-00-13	1SFL447101R1300	12,067,000
	275	24...60	20...60	0	0	AF190-40-00-11	1SFL487102R1100	19,756,000
		48...130	48...130	0	0	AF190-40-00-12	1SFL487102R1200	19,756,000
		100...250	100...250	0	0	AF190-40-00-13	1SFL487102R1300	18,471,000
	350	24...60	20...60	0	0	AF205-40-00-11	1SFL527102R1100	34,666,000
		48...130	48...130	0	0	AF205-40-00-12	1SFL527102R1200	34,666,000
		100...250	100...250	0	0	AF205-40-00-13	1SFL527102R1300	32,680,000
	400	24...60	20...60	0	0	AF265-40-00-11	1SFL547102R1100	38,284,000
		48...130	48...130	0	0	AF265-40-00-12	1SFL547102R1200	38,284,000
		100...250	100...250	0	0	AF265-40-00-13	1SFL547102R1300	36,768,000
	500	24...60	20...60	0	0	AF305-40-00-11	1SFL587102R1100	46,561,000
		48...130	48...130	0	0	AF305-40-00-12	1SFL587102R1200	46,561,000
		100...250	100...250	0	0	AF305-40-00-13	1SFL587102R1300	46,561,000
	525	24...60	20...60	0	0	AF370-40-00-11	1SFL607102R1100	49,033,000
		48...130	48...130	0	0	AF370-40-00-12	1SFL607102R1200	49,033,000
		100...250	100...250	0	0	AF370-40-00-13	1SFL607102R1300	49,033,000
	800	110...115	115...127	1	1	EK550-40-11	SK827041-EG	80,051,000
		220...230	230...255	1	1	EK550-40-11	SK827041-EM	80,051,000
		110...115	115...127	1	1	EK1000-40-11	SK827044-EG	99,882,000
	1000	220...230	230...255	1	1	EK1000-40-11	SK827044-EM	99,882,000

Công tắc tơ 4P dạng khối - Loại AF và EK550, EK1000

Phụ kiện								
Tiếp điểm phụ								
Vị trí lắp đặt	Dùng cho công tắc tơ			Số tiếp điểm phụ NO NC		Loại	Mã sản phẩm	Đơn giá VND
Mặt trước	AF09 ... AF80-40-00			1	0	CA4-10	1SBN010110R1010	74,000
	AF09 ... AF80-22-00			0	1	CA4-01	1SBN010110R1001	74,000
				2	2	CA4-22E	1SBN010140R1022	317,000
Mặt bên	AF09 ... AF80-40-00			1	1	CAL4-11	1SBN010120R1011	224,000
	AF09... AF80-22-00			1	1	CAL4-11-T	1SBN010120T1011	198,000
	AF116 ... AF370			1	1	CAL19-11	1SFN010820R1011	423,000
				1	1	CAL19-11B	1SFN010820R3311	423,000
Loại liên động		Dùng cho công tắc tơ		Số tiếp điểm phụ NO NC		Loại	Mã sản phẩm	Đơn giá VND
Liên động cơ điện	AF09, AF16...-40-00			-	2	VEM4	1SBN030111R1000	355,000
	AF26, AF38...-40-00							
	AF116 ... AF370					VM19	1SFN030300R1000	1,340,000
Liên động cơ	AF09 ... AF38...-40-00					VM4	1SBN030105T1000	166,000
	AF40 ... AF80...-40-00					VM96-4	1SBN033405T1000	200,000
Rơ-le thời gian điện tử	Dùng cho công tắc tơ	Thời gian đặt	Chức năng	Số tiếp điểm phụ NO NC		Loại	Mã sản phẩm	Đơn giá VND
	AF09 ... AF80	0.1...1 s 1...10 s 10...100 s	ON-delay	1	1	TEF4-ON	1SBN020112R1000	1,419,000
			OFF-delay	1	1	TEF4-OFF	1SBN020114R1000	1,532,000
Bộ khởi động sao tam giác		Đặc điểm				Loại	Mã sản phẩm	Đơn giá VND
	AF09 ... AF16	Có/không bao gồm VM4				BEY16-4	1SBN081313R2000	399,000
	AF26 ... AF38	Có/không bao gồm VM4				BEY38-4	1SBN082713R2000	657,000
	AF40 ... AF65	Có/không bao gồm VM96-4				BEY65-4	1SBN083413R2000	849,000
	AF80 ... AF96	Có/không bao gồm VM96-4				BEY96-4	1SBN083913R2000	1.073,000